

450W 900W

FRIEND SERIES

LED LURING FISH LIGHT

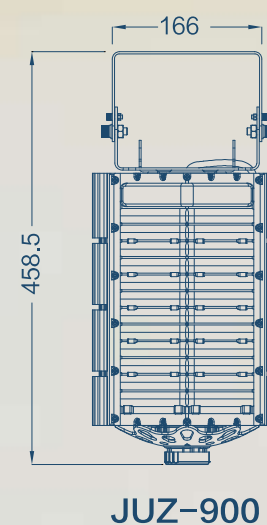
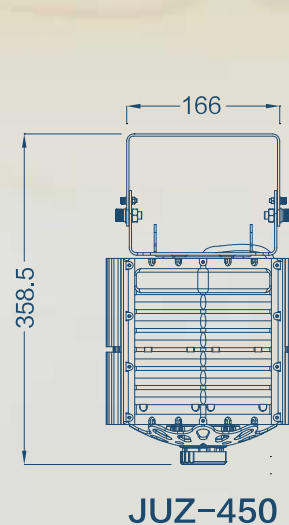
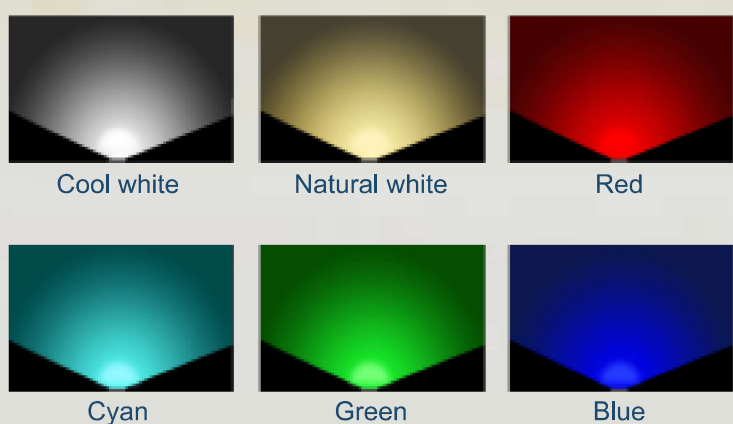


Bracket

Hoop

Lamp holder

Spectrum Option



AC180-305V



CE Cert



Ingress Protection

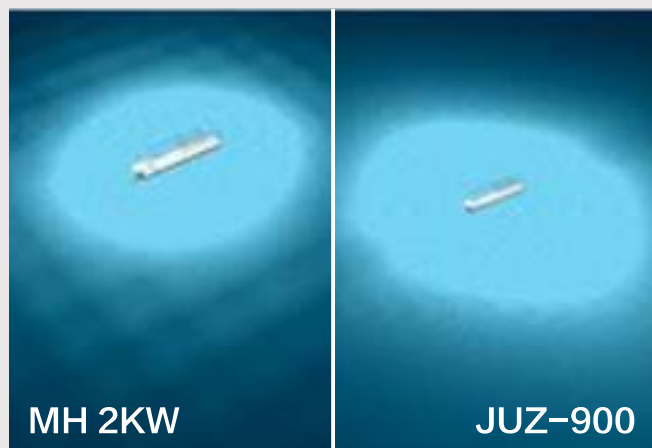


Impact Protection



Corrosion Protection

6 ADVANTAGES OF FRIEND SERIES



MH 2KW

JUZ-900

Farther light range

30% light range more than twice power MH lamp.

F



Resist marine climate

IP66 Ingress protection
C4 Corrosion protection
IK10 Impact protection

R



Install easily

3 Install options: E40 lamp holder
Adjustable Bracket / Steel Hoop

I

F+R+I+E+N+D=Friend



Economize

60%

Energy saving

Saving 60% fuel based on better luring effect than MH lamp.

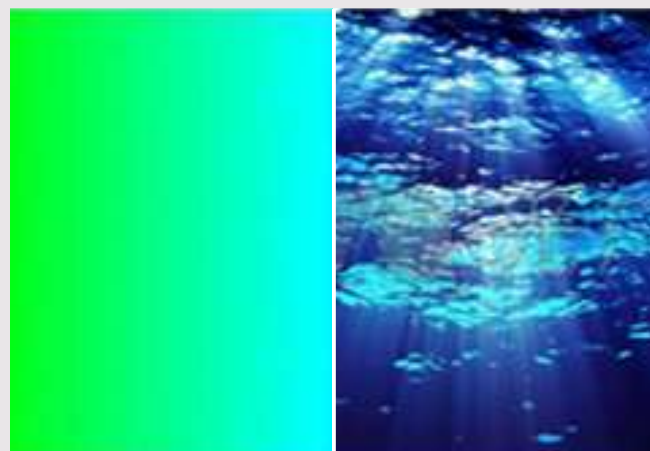
E



Natural cooling

Use superconducting materials for heat dissipation, use without quick-wear part such as fan.

N



Deep through the sea

Specific spectra for marine, through the sea water more than 20m.

D

180V
305V

IP66

IK10

C4

CE

6

ADVANTAGES

Specification parameter

180V
305V

IP66

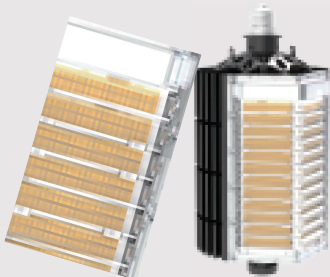
IK10

C4

CE

	Type: JUZ- 900	Type: JUZ- 450
	Power: 900W	Power: 450W
	Input voltage: AC180-305V	Input voltage: AC180-305V
	Light spectra: White / Cyan / Red / Blue / Gree	Light spectra: White / Cyan / Red / Blue / Gree
	Luminous flux: 130000lm(white)	Luminous flux: 65000lm(white)
	Install option: E40 / Bracket / Hoop	Install option: E40 / Bracket / Hoop
	Ingress Protection: IP66	Ingress Protection: IP66
Work temperature: -30℃~+40℃		Work temperature: -30℃~+40℃

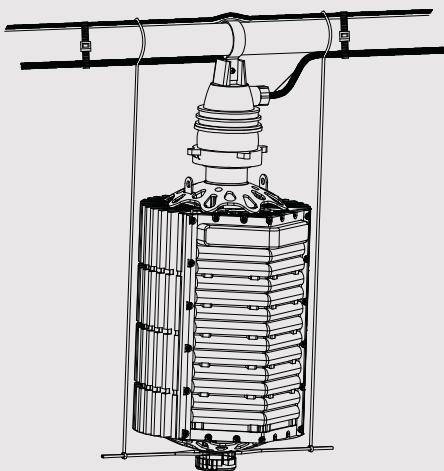
Note:
1 pcs JUZ-900 replace 2 pcs 1000w MH lamp, or 1pcs 2000w MH lamp.
1 pcs JUZ-450 replace 1 pcs 1000w MH lamp.



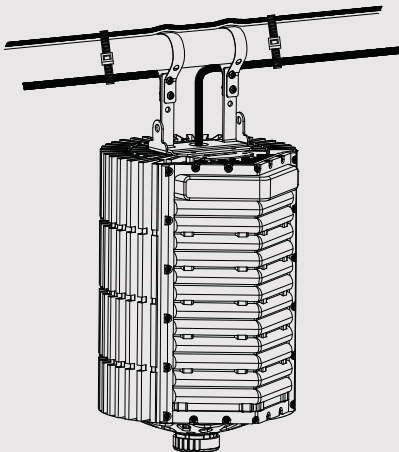
Payback table

	Basic data	MH 1KW	JUZ-450	Fuel cost saving	MH2KW	JUZ-900	Fuel cost saving
1 pcs lamp	Power(kw)	1.1	0.45	\$118	2.2	0.9	\$236
	Light per day(h)	8	8		8	8	
	work per year(day)	150	150		150	150	
	Fuel price(\$/L)	0.50	0.50		0.50	0.50	
	Power generation(KWH/L)	3.3	3.3		3.3	3.3	
	Power per day(KWH)	8.8	3.6		17.6	7.2	
	Fuel cost per day(L)	2.7	1.1		5.3	2.2	
	Fuel cost per day(\$)	1.33	0.55		2.67	1.09	
	Fuel cost per year(\$)	200	82		400	164	
100 pcs lamps	Lamp quantity	100	100	\$11,818	100	100	\$23,636
	Fuel cost per year(\$)	\$20,000	\$8,182		\$40,000	\$16,364	

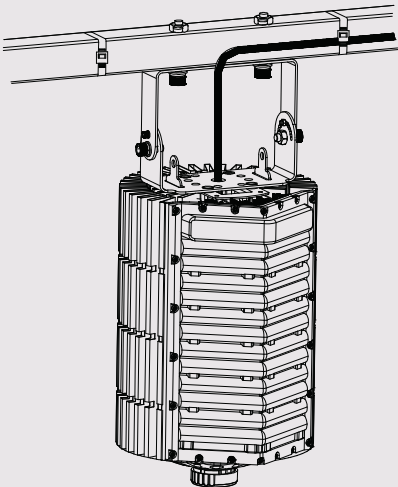
Installation



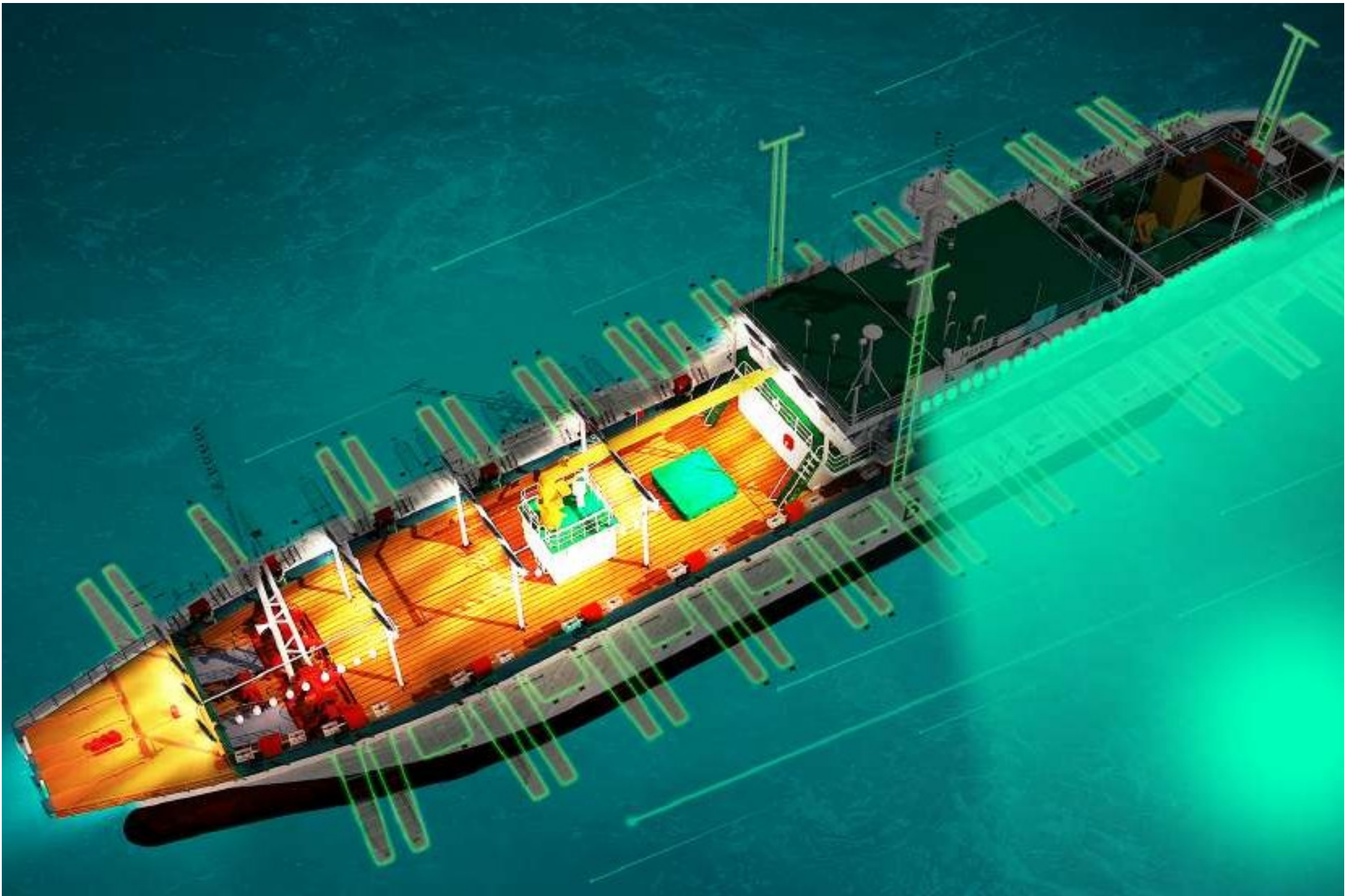
E40 lamp holder



Steel Hoop



Adjustable Bracket



ĐC: CT2B, KĐT Nghĩa Đô, 106 Hoàng Quốc Việt, TP.Hà Nội

Hotline: 0983.462.882

Email: haihv.efujii@gmail.com

Website: www.efujii.com.vn

 CÔNG TY TNHH E-FUJII VIỆT NAM LED TRÒN TRÊN MẶT NƯỚC 1000~1500W				
Model	EFV BLP-LR1000		EFV BLP-LR1200	EFV BLP-LR1500
Hình ảnh đèn Photos/images				
Công suất/Power (W)	1000W		1200W	1500W
Dải điện áp hoạt động/ Voltage (V)	160-300VAC			
Dòng điện/ Current (A)	4.3A		5.0A	7.0A
Chip led/ Chip brand& Type	COB (Sanan)			
Quang Thông/Lumenous (lm)	126800lm		1400000lm	166000lm
Hiệu suất ánh sáng/ luminous efficacy (Lm/w)	126.8lm/W		116.6lm/W	110lm/W
Hệ số công suất/ Power Factor (PF)	0.98			
Nhiệt độ màu/Correlated Color Temperature (CCT)	3000k-6000k			
Màu sắc ánh sáng/ Lighting color	xanh lá, vàng, xanh dương, đỏ, trắng, xanh lục			
Chỉ số hoàn màu (CRI, Ra)	CRI>80			
Góc chiếu/Beam Angle (độ)	110 Độ			
Cấp độ bảo vệ chống nước/bụi (IP)	IP67			
Cấp độ bảo vệ chống va đập (IK)	IK09			
Kích thước/Size (mm)	D230*H160mm		D260*H160mm	D280*H160mm
Phương pháp lắp đặt/ Installation Methods	E40/Bracket/ Hoop			
Nhiệt độ làm việc/ Working temp	-30 độ C ~ + 40 độ C			
Trọng lượng/Net weight (Kg)	4KG	4,5KG	4.8KG	6.7KG
Vật liệu/ Material	Nhôm + Nhựa / aluminum + Plastic	Nhựa / Plastic	Nhôm + Nhựa / aluminum + Plastic	Nhôm / aluminum + Plastic
Màu sắc của đèn/ Finishing color	Green, Yellow, Blue, Red, White, Natural,Cyan			
Chứng chỉ, chứng nhận/ Certificates	CE (xuất vào thị trường châu Âu), C4			
Hình ảnh ứng dụng thực tế Actual applications of photos				
CÔNG TY TNHH E-FUJII VIỆT NAM	Địa chỉ: CT2B - KĐT Nghĩa Đô - 106 Hoàng Quốc Việt - Hà Nội		Tel: 0983462882. Mail: haihv.efujii@gmail.com Website: www.efujii.com.vn	



CÔNG TY TNHH E-FUJII VIỆT NAM
LED HÌNH CHỮ NHẬT 600& 1000W

Model	EFV BLP-HCN 600		EFV BLP-HCN1000	
Hình ảnh đèn Photos/images				
Công suất/Power (W)	600W		1000W	
Dải điện áp hoạt động/ Voltage (V)	110-280VAC			
Dòng điện/ Current (A)	3.5 A		4.5 A	
Chip led/ Chip brand& Type	COB (Sanan)			
Quang Thông/Lumenous (lm)	72000lm		119800lm	
Hiệu suất ánh sáng/ Lumen (Lm/w)	120lm/W			
Hệ số công suất/ Power Factor (PF)	0.98			
Nhiệt độ màu/Correlated Color Temperature (CCT)	3000k-6000k			
Màu sắc ánh sáng/ Lighting color	xanh lá, vàng, trắng			
Chỉ số hoàn màu (CRI, Ra)	CRI>80			
Góc chiếu/Beam Angle (độ)	110 Độ			
Cấp độ bảo vệ chống nước/bụi (IP)	IP67			
Cấp độ bảo vệ chống va đập (IK)	IK09			
Kích thước/Size (mm)	514*215*135			
Phương pháp lắp đặt/ Installation Methods	E40/Bracket/ Hoop			
Nhiệt độ làm việc/ Working temp	-30 độ C ~ + 40 độ C			
Trọng lượng/Net weight (Kg)	4.5KG			
Vật liệu/ Material	Hộp kim nhôm + Nhựa / aluminum + Plastic			
Màu sắc của đèn/ Finishing color	Green, Yellow, Blue, Red, White, Natural,Cyan			
Chứng chỉ, chứng nhận/ Certificates	CE (xuất vào thị trường châu Âu), C4			
Hình ảnh ứng dụng thực tế Actual applications of photos				
CÔNG TY TNHH E-FUJII VIỆT NAM	Địa chỉ: CT2B - KĐT Nghĩa Đô - 106 Hoàng Quốc Việt - Hà Nội		Tel: 0983462882. Mail: haihv.efujii@gmail.com Website: www.efujii.com.vn	

CÔNG TY TNHH E-FUJII VIỆT NAM ĐÈN METAL & PHỤ KIỆN LIÊN QUAN																	
Model	EFV HS-MT01			EFV HS-MT02			EFV HS-MT03				EFV HS-MT04			EFV HS-MT05		EFV HS-MT06	
Hình ảnh đèn Photos/images																	
Công suất/Power (W)	1000W	1500W	1800W	2000W	3000W	4000W	2000W	3000W	4000W	5000W	1000W	1500W	2000W	1000W	2000W	3000W	5500W
Dải điện áp hoạt động/ Voltage (V)	160-280VAC																
Chip led/ Chip brand& Type	Sợi đốt / Incandescent																
Nhiệt độ màu/Correlated Color Temperature (CCT)	3000k-6000k																
Màu sắc ánh sáng/ Lighting color	Xanh lá, Xanh dương, vàng										Bạc, xanh Đậm, xanh			màu vàng			
Chỉ số hoàn màu (CRI, Ra)	CRI>80																
Góc chiếu/Beam Angle (độ)	360 Độ																
Cấp độ bảo vệ chống nước/bụi (IP)	IP68																
Kích thước/Size (mm)	ø 56*155MM			ø 56*235MM			ø 70*480MM				ø 70 & ø 60*150MM			ø 58*158MM		ø 64*235MM	
Phương pháp lắp đặt/ Installation Methods	E40/Bracket/ Hoop																
Nhiệt độ làm việc/ Working temp	280oC ~ 290oC						380°C~490°C				260°C~290°C			380°C~490°C			
Trọng lượng/Net weight (Kg)	0.32Kg			1Kg			0.98Kg				0.78Kg			5.8KG		7.8KG	
Vật liệu/ Material	Nylon + Sợi thủy tinh + Gốm / Nylon + Fiberglass + Ceramic													Thép không gỉ / Stainless Steel			
Finish color, lamp body color	Yellow + White/ Vàng + trắng																
Hình ảnh ứng dụng thực tế Actual applications of photos																	
CÔNG TY TNHH E-FUJII VIỆT NAM							Địa chỉ: CT2B - KĐT Nghĩa Đô - 106 Hoàng Quốc Việt - Hà Nội					Tel: 0983462882. Mail: haihv.efujii@gmail.com. Website: www.efujii.com.vn					

 CÔNG TY TNHH E-FUJII VIỆT NAM BỘ ỔN ĐỊNH ĐÈN HALOGEN METAL						
Model	EFV HS-AP1000	EFV HS-AP1500	EFV HS-AP2000	EFV HS-AP3000	EFV HS-AP4000	EFV HS-AP5000
Hình ảnh đèn Photos/images	    					
Công suất/Power (W)	1000W	1500W	2000W	3000W	4000W	5000W
Dải điện áp hoạt động/ Voltage (V)	220V					
Dòng điện/ Current (A)	4.5-5A	6.5-7A	8-9A	12-13A	17-18A	21-22A
Tụ điện / capacitor (uF)	30uF-35uF(450V-540V)	45uF-48uF (450V-540V)	60uF(450V-540V)	45uF*2(450V-540V)	60uF*2(450V-540V)	60uF*2+30uF(450V-540V)
Tần suất hoạt động / frequency	50Hz Or 60Hz (ODM)					
Trọng lượng/Net weight (Kg)	15-19.3KG	25-27KG	27-37KG	29KG	37KG	45KG
Vật liệu / Material	lõi: Dây đồng nguyên chất+ Vỏ: Hợp kim(vỏ Thép không gỉ) / Core: Pure copper wire + Shell: Alloy (stainless steel shell)					
Finish color, lamp body color	Màu vàng + Xanh					
CÔNG TY TNHH E-FUJII VIỆT NAM		Địa chỉ: CT2B - KĐT Nghĩa Đô - 106 Hoàng Quốc Việt - Hà Nội			Tel: 0983462882. Mail: haihv.efujii@gmail.com. Website: www.efujii.com.vn	